

Bản án số: 302/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-11-2021

“V/v ly hôn giữa
Chị T và anh K”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Ông Võ Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 23/TB.TA ngày 25/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 312, ấp 1, xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Bình Phú 1, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/8/2014. Sau khi cưới vợ chồng lên tỉnh Bình Dương làm công nhân sinh sống. Tháng 10/2018 phát sinh mâu thuẫn do K ghen tuông vô cớ,

dùng lời thô tục chửi chị, đuổi chị ra khỏi nhà. Từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Nay chị không còn tình cảm với anh K nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung tên Nguyễn Nhi Đ, sinh ngày 09/01/2015 và Nguyễn Văn B sinh ngày 07/11/2015, hiện nay đang sống với anh K. Chị yêu cầu giao con cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không

Về nợ: Không

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh được ông Nguyễn Văn Cường là cha ruột anh K cho biết: Sau khi cưới vợ chồng đến tỉnh Bình Dương để làm công nhân sinh sống. Năm 2018 vợ chồng cự cãi về việc anh K nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác, anh ghen nên đánh chị T. Từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Các con của anh K và chị T gồm cháu Nguyễn Nhi Đ và Nguyễn Văn B hiện nay sống với anh K. Bà Lý Ngọc N là mẹ của chị T cũng xác định vợ chồng chị T cự cãi vì anh K ghen tuông và vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị T vắng mặt, có đơn xin vắng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị T và anh K có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K không tin tưởng chị T, nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng cự cãi và anh đánh chị. Ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh K.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau... Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau...”. Thế nhưng vợ chồng chị T và anh K đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh K có hành vi bạo lực với chị T, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nguyên đơn chị Bùi Thị T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn K là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung tên Nguyễn Nhi Đ, sinh ngày 09/01/2015 và Nguyễn Văn B sinh ngày 07/11/2015, hiện nay đang sống với anh K. Chị T yêu cầu giao con cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các cháu đang sống với anh K, được anh và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu Đ và cháu B cho anh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn K nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh K với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Bình Phú 1, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị T vắng mặt, chị có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị T và anh K tiến tới hôn nhân năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/8/2014, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chung sống đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do anh K ghen tuông nên vợ chồng cự cãi, anh K đánh chị T. Anh chị ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Xét thấy, thời gian ly thân của anh chị kéo dài, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, chung sống với nhau. Anh K không tin tưởng chị T, có hành vi bạo lực gia đình. Nhiều lần Tòa án mở phiên hòa giải nhưng anh K không tham dự, cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn. Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Nên yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung tên Nguyễn Nhi Đ, sinh ngày 09/01/2015 và Nguyễn Văn B sinh ngày 07/11/2015. Xét thấy từ khi sinh ra đến nay cháu Đình và cháu Bin sống chung với anh K và ông bà nội, được anh và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Ngoài ra, chị T yêu cầu được tiếp tục giao các con cho anh K nuôi dưỡng, ông Cường đồng ý chăm sóc các cháu cho anh K đi làm kiến tiền nuôi con. Để đảm bảo môi trường phát triển của các con được ổn định, Tận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu Đ và cháu B cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị T có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con, anh K không có ý kiến yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh K cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Không

[5] Về nợ chung: Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Bùi Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn K tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Nhi Đ, sinh ngày 09/01/2015 và Nguyễn Văn B sinh ngày 07/11/2015, hiện nay các cháu đang sống với anh K, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh K cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai T tiền số 0003920 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh K không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

Lý Thị Rỡ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA